

Bản án số: 56/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 6 -2025.
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Ngọc Thạch;
2. Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Quốc Việt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà: Ông Lê Đại Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ 15, ấp A, xã B, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ 15, ấp A, xã B, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 02 năm 2025, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị L chung sống với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau mặc dù đã được gia đình 02 bên khuyên can nhưng vẫn không thể hàn gắn được. Anh và chị sống ly thân khoảng 04 tháng nay. Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

Về con chung: Có **01 con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 15/10/2019**, hiện nay cháu K đang theo sống với chị L. Sau khi ly hôn anh đồng ý giao cháu K cho chị L nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng, nuôi con.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không thiếu nợ ai.

Bị đơn chị Nguyễn Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thời hạn thụ lý, giải quyết vụ án; việc cấp tổng đạt văn bản pháp luật và việc tuân thủ quy định pháp luật của người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật tố Tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn T đối với chị Nguyễn Thị L.

Về con chung: Giao 01 con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 15/10/2019 cho chị Nguyễn Thị L nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị L vắng mặt nên không có lời trình bày.

Về nợ chung: Anh T trình bày không thiếu nợ ai.

Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn T vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; chị Nguyễn Thị L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị L chung sống năm 2014 có đăng ký kết hôn, nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Nay anh T xin ly hôn, chị L vắng mặt nên không có lời trình bày. Xét về mâu thuẫn anh T cho rằng vợ chồng sống chung không có hạnh phúc và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Qua xác minh được chính quyền địa phương cung cấp như sau: Từ khi anh T và chị L kết hôn thì sinh sống tại ấp A, xã B, huyện Tân Châu; trong thời gian sinh sống tại địa phương thì vợ chồng anh T chị L có phát sinh mâu thuẫn, còn nguyên nhân như thế nào không rõ; khoảng 01 năm nay không thấy chị L sinh sống tại địa phương mà chỉ thấy có một mình anh T sống tại địa phương. Xét thấy thời gian anh T và chị L không sống chung đã lâu, nên mâu thuẫn đã đi đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được nên anh T yêu cầu ly hôn với chị L là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: 01 con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 15/10/2019 hiện đang theo sống với chị Nguyễn Thị L. Nay anh T đồng ý giao cháu K cho chị L nuôi dưỡng. Do chị L dẫn cháu K đi sinh sống nơi nào không rõ nên không có làm việc được với chị L và cháu K, nên căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu K cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng: Anh T không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

[5] Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Anh T trình bày không thiếu nợ ai.

[7] Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 2, Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Tuyên xử anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

2. Về con chung: Giao 01 con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 15/10/2019 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Sau khi ly hôn anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Ghi nhận anh Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn T trình bày không thiếu nợ ai.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà anh Nguyễn Văn T đã nộp theo biên lai thu số 0003140 ngày 24/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; anh T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Báo cho anh T, chị L biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã nơi anh T, chị L cư trú.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh (Phòng KT-NV);
- VKSND huyện Tân Châu;
- CC THADS huyện Tân Châu;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Tuấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Minh Tuấn